

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>2 – 3</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	<b>4 – 5</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Báo cáo tình hình tài chính	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 21



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Ngọc Chiến	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30/4/2021)
Bà Trương Thị Hồng Nga	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10/5/2021)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/4/2021)
Ông Đường Văn Tài	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/4/2021)
Ông Hoàng Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/4/2021)
Ông Ngô Văn Đô	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/4/2021)
Ông Thái Đình Sỹ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/4/2021)

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Bùi Minh Phương Hà	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 30/4/2021)
Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 30/4/2021)
	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 02/08/2021)
Bà Lê Thị Xuân Thanh Hiền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/4/2021)
Ông Diệc Lê Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/4/2021)
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/4/2021)
	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 02/08/2021)
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/4/2021)
	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02/08/2021)
Bà Chu Hoàng Mai	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 02/08/2021)
Bà Đình Hoài Thương	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 02/08/2021)

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Dương Hoàng Linh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22/11/2021)
Ông Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/11/2021)
	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/02/2022)
Bà Phạm Thị Giang	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/02/2022)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán gần nhất số 03/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2020 là ông Dương Hoàng Linh.

Ngày 4/3/2022, Công ty đã thông qua Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/HVS. Theo đó, Đại hội đã thông qua việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty là Bà Phạm Thị Giang – Tổng Giám đốc. Công ty đang trong quá trình thực hiện thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán cho việc thay đổi người đại diện này.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Thị Giang**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 11 tháng 3 năm 2022



Số: 34/2022/RSMHN-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày kèm theo được trình bày từ trang 06 đến trang 21.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã thuyết minh tại mục 1.5 "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính", trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, do đó Công ty chỉ phát sinh doanh thu lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán số 92/BCKT/TC ngày 03/3/2021.



**Hoàng Thị Vinh**  
**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2018-026-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2022*

**Hoàng Anh Tú**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
4413-2020-026-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.998.054.123</b>	<b>10.603.476.600</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>10.998.054.123</b>	<b>10.603.476.600</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	481.369.193	10.603.476.600
1.1. Tiền	111.1		481.369.193	10.603.476.600
2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	4.2	10.000.000.000	-
3. Các khoản phải thu	117	4.3	494.684.930	-
3.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		494.684.930	-
3.1.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		494.684.930	-
4. Trả trước cho người bán	118		22.000.000	-
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		-	-
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(30.000.000)	(30.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>10.998.054.123</b>	<b>10.603.476.600</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.099.600</b>	<b>99.600</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.099.600</b>	<b>99.600</b>
1. Phải trả người lao động	323		14.000.000	-
2. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		99.600	99.600
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		44.000.000	-
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.939.954.523</b>	<b>10.603.377.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.4</b>	<b>10.939.954.523</b>	<b>10.603.377.000</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.200.000.000	50.200.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		50.200.000.000	50.200.000.000
1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		50.200.000.000	50.200.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(39.260.045.477)	(39.596.623.000)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>10.998.054.123</b>	<b>10.603.476.600</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		5.020.000	5.020.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			<b>-</b>	<b>-</b>



**Phạm Thị Giang**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 11 tháng 3 năm 2022

**Nguyễn Thị Hồng**  
KT. Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Hồng**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			<b>494.684.930</b>	<b>641.608.333</b>
1.1. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	5.1	494.684.930	36.608.333
1.2. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	03			605.000.000
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>494.684.930</b>	<b>641.608.333</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
Cộng chi phí hoạt động	40		-	-
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		4.201.993	1.429.724
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>4.201.993</b>	<b>1.429.724</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>5.2</b>	<b>162.309.400</b>	<b>193.559.100</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>70</b>		<b>336.577.523</b>	<b>449.478.957</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
Cộng kết quả hoạt động khác	80		-	-
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>90</b>		<b>336.577.523</b>	<b>449.478.957</b>
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>200</b>		<b>336.577.523</b>	<b>449.478.957</b>
<b>XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>	<b>4.4.4</b>	<b>336.577.523</b>	<b>449.478.957</b>
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501		67,05	89,54
2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502		67,05	89,54



**Phạm Thị Giang**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 11 tháng 3 năm 2022

**Nguyễn Thị Hồng**  
KT. Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Hồng**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	5.3	336.577.523	449.478.957
2. Điều chỉnh cho các khoản	02			
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(4.201.993)	(1.429.724)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		332.375.530	448.049.233
- (Tăng) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(10.000.000.000)	-
- (Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(494.684.930)	99.616.438
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		(22.000.000)	55.000.000
- Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		44.000.000	(54.500.000)
- (Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		-	(55.000.000)
- Tăng phải trả người lao động	16		14.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(10.126.309.400)	493.165.671
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		4.201.993	1.429.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		4.201.993	1.429.724
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	90		(10.122.107.407)	494.595.395
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	4.1	10.603.476.600	10.108.881.205
Tiền	101.1		10.603.476.600	8.881.205
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	10.100.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	4.1	481.369.193	10.603.476.600
Tiền	103.1		481.369.193	10.603.476.600
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-



**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			-	-
II. Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng			-	-
III. Tiền và cá khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng			-	-



Phạm Thị Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Hồng  
KT. Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**

Số 31 đường số 9, khu dân cư Nam Long, tổ 7B, khu phố 1,  
Phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
				Năm 2020		Năm 2021			
		Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2021	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2021
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.4	50.200.000.000	50.200.000.000	-	-	-	-	50.200.000.000	50.200.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.200.000.000	50.200.000.000	-	-	-	-	50.200.000.000	50.200.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(40.046.101.957)	(39.596.623.000)	449.478.957	-	336.577.523	-	(39.596.623.000)	(39.260.045.477)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(40.046.101.957)	(39.596.623.000)	449.478.957	-	336.577.523	-	(39.596.623.000)	(39.260.045.477)
Cộng		10.153.898.043	10.603.377.000	449.478.957	-	336.577.523	-	10.603.377.000	10.939.954.523
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>									
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**  
 QUẬN 3  
 Phạm Thị Giang  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 11 tháng 3 năm 2022

  
 Nguyễn Thị Hồng  
 KT. Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Hồng  
 Người lập



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 99/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/12/2008 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán gần nhất số 03/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán là 50.200.000.000 VND, chia thành 5.020.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu).

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 31 đường số 9, khu dân cư Nam Long, tổ 7B, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 08 người (tại ngày 01/01/2021 là 10 người).

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán ban đầu, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tuy nhiên, theo quyết định số 720/QĐ-UBCK ngày 30/8/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã tạm thời bị rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Đến thời điểm lập báo cáo này Công ty vẫn chưa khôi phục được nghiệp vụ môi giới chứng khoán, do đó ngành nghề chính của Công ty là "Tư vấn đầu tư chứng khoán".

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, do đó Công ty chỉ phát sinh doanh thu lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**3.4 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.4 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp)**

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

### **3.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

### **3.6 Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.7 Doanh thu hoạt động**

#### ***Thu nhập lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.9 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu**

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.10 Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2021, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty không phải nộp thuế TNDN do được chuyển lỗ từ các năm trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

***Thuế giá trị gia tăng***

Hoạt động kinh doanh tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

617  
ÔN  
TN  
TOÁN  
VI  
HI N  
HÀ  
3/1/21



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	7.037.600	-
Tiền gửi ngân hàng	474.331.593	10.603.476.600
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.040.225	1.699.635
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	990.802	10.600.847.140
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	472.300.566	929.825
<b>Cộng</b>	<b>481.369.193</b>	<b>10.603.476.600</b>

**4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất 6,1%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

**4.3 Các khoản phải thu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	494.684.930	-
<b>Cộng</b>	<b>494.684.930</b>	<b>-</b>

(i) Đây là lãi dự thu của khoản tiền gửi có kỳ hạn được Thuyết minh tại 4.2 "Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.4 Vốn chủ sở hữu**

**4.4.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	(Lỗ) lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	50.200.000.000	(40.046.101.957)	10.153.898.043
Lãi trong năm	-	449.478.957	449.478.957
Tại ngày 31/12/2020	50.200.000.000	(39.596.623.000)	10.603.377.000
Tại ngày 01/01/2021	50.200.000.000	(39.596.623.000)	10.603.377.000
Lãi trong năm	-	336.577.523	336.577.523
Tại ngày 31/12/2021	50.200.000.000	(39.260.045.477)	10.939.954.523

**4.4.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND	%	VND	%
Bà Trương Thị Hồng Nga	24.598.000.000	49	24.598.000.000	49
Ông Thái Đình Sỹ	14.418.000.000	29	14.418.000.000	29
Ông Ngô Văn Đố	11.184.000.000	22	11.184.000.000	22
<b>Cộng</b>	<b>50.200.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.200.000.000</b>	<b>100</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.4 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.4.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2021 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.020.000	5.020.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.020.000	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	5.020.000	5.020.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.020.000	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	5.020.000	5.020.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.4.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	336.577.523	449.478.957
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	5.020.000	5.020.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>67,05</b>	<b>89,54</b>

Ghi chú: Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phần hoặc tăng vốn nên thu nhập pha loãng trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

**5.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Từ tài sản tài chính HTM (i)	494.684.930	36.608.333
<b>Cộng</b>	<b>494.684.930</b>	<b>36.608.333</b>

(i) Đây là lãi dự thu của khoản tiền gửi có kỳ hạn được Thuyết minh tại 4.2 "Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)".

**5.2 Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	128.000.000	60.000.000
Thuế và các khoản lệ phí	3.000.000	8.359.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.650.000	125.200.000
Chi phí khác bằng tiền	5.659.400	-
<b>Cộng</b>	<b>162.309.400</b>	<b>193.559.100</b>

**5.3 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lợi nhuận theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động.

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	336.577.523	449.478.957
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh	336.577.523	449.478.957
Lỗ tính thuế kỳ trước chuyển sang	(336.577.523)	(449.478.957)
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	-	-
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**

**5.4 Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong năm và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày 01/01/2021 VND	Chuyển lỗ trong năm VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày 31/12/2021 VND
2016	2021	Chưa QT	3.026.983.349	3.026.983.349	336.577.523	2.690.405.826	-
2017	2022	Chưa QT	6.125.720.341	6.125.720.341	-	-	6.125.720.341
2018	2023	Chưa QT	12.452.039.149	12.452.039.149	-	-	12.452.039.149
<b>Cộng lỗ tính thuế</b>			<b>21.604.742.839</b>	<b>21.604.742.839</b>	<b>336.577.523</b>	<b>-</b>	<b>18.577.759.490</b>

(i) Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế 18.577.759.490 VND được quyền chuyển sang năm sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

**Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Công ty không chi trả thu nhập Ban Tổng Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2021 cho các thành viên liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**6.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.



**Phạm Thị Giang**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

**Nguyễn Thị Hồng**  
**KT. Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Hồng**  
**Người lập**

